



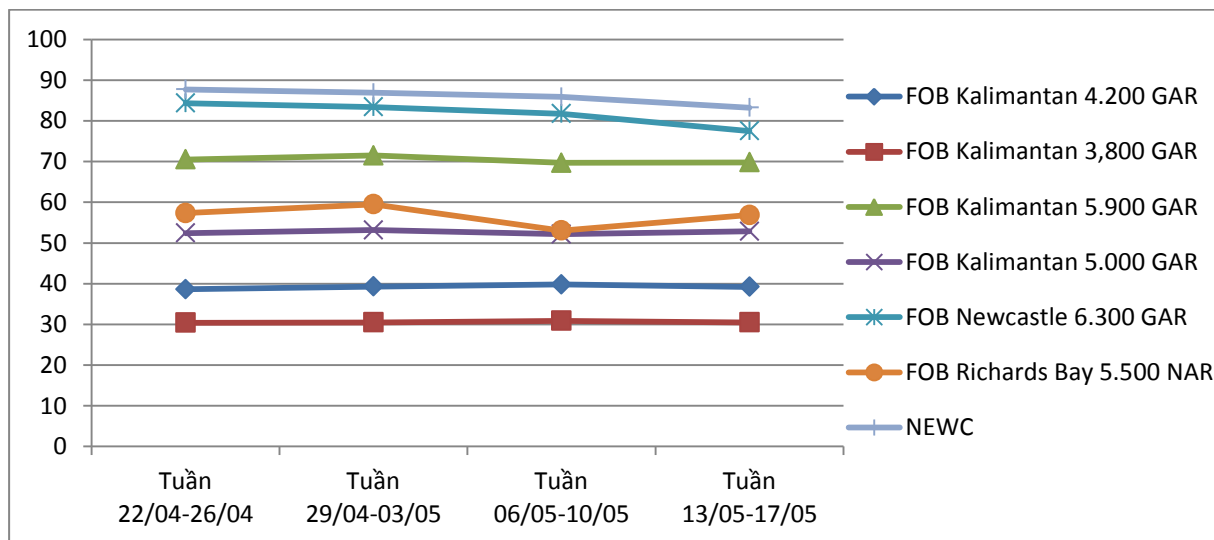
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
BẢN TIN THAN TUẦN 3 - THÁNG 5
(Từ 13/05-17/05)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 22/04-26/04	Tuần 29/04-03/05	Tuần 06/05-10/05	Tuần 13/05-17/05
FOB Kalimantan 4,200 GAR	38,62	39,3	39,8	39,2
FOB Kalimantan 3,800 GAR	30,41	30,475	30,8875	30,48
FOB Kalimantan 5,900 GAR	70,5	71,5	69,675	69,8
FOB Kalimantan 5,000 GAR	52,42	53,175	52,15	52,87
FOB Newcastle 6,300 GAR	84,33	83,41	81,725	77,49
FOB Richards Bay 5,500 NAR	57,33	59,49	53,05	56,86
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	87,72	86,91	85,86	83,24



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 3 tháng 5 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 3 tháng 5	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	8,15	8,15	7,60	7,60	7,80
2	Queensland – Nhật Bản	9,20	9,20	8,55	8,55	8,80
3	New South Wales – Hàn Quốc	10,05	10,05	9,40	9,40	9,65
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,70	12,70	12,70	12,80	12,80
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,35	8,40	8,60	8,85	8,85
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,85	12,85	12,85	12,95	12,95
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,00	7,05	7,25	7,50	7,50
5	Úc - Trung Quốc	10,90	10,90	10,90	11,20	11,30
6	Úc - Ấn Độ	12,20	12,20	12,20	12,05	12,10

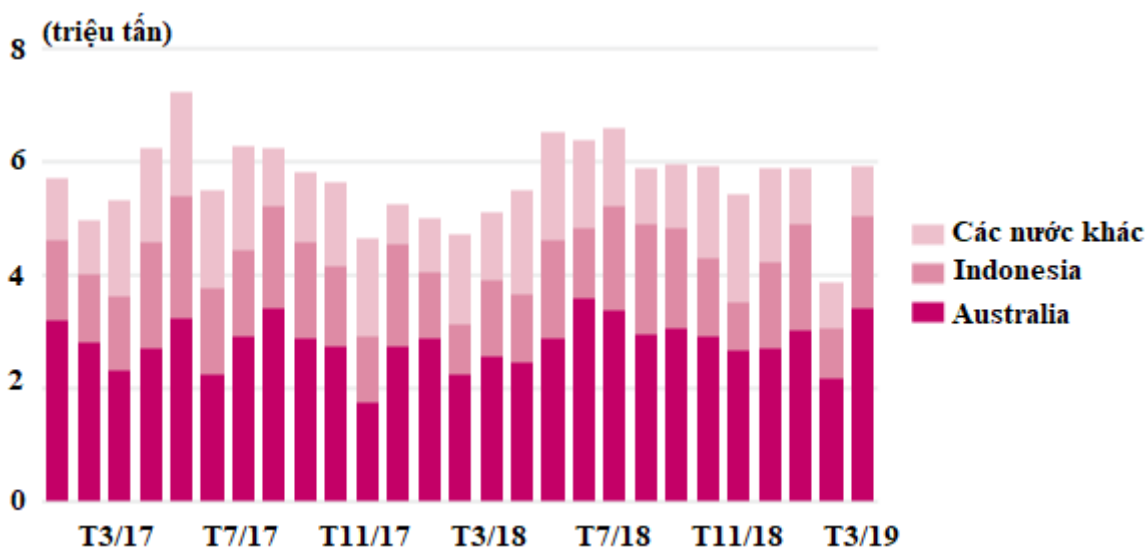
(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Đài Loan nhập khẩu 5,91 triệu tấn than trong tháng 3

Theo số liệu hải quan công bố ngày 15/5, Đài Loan đã nhập khẩu 5,91 triệu tấn than nhiệt trong tháng 3, tăng 52% so với tháng 2, tháng thấp nhất trong nhiều năm, và tăng 16% so với tháng 3 năm trước, trở thành tháng nhập khẩu than nhiều nhất trong vòng 5 tháng trở lại đây.

Nguồn gốc	Khối lượng	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Australia	3.412.709	57,39	32,5
Indonesia	1.623.928	86,41	22,25
Nga	411.324	-34,66	-41,88
Canada	410.703	405,97	146,81
Các nước khác	49.446	n/a	n/a
Tổng	5.908.110	15,8	52,15



Úc cung cấp phần lớn lượng than nhập khẩu vào Đài Loan trong tháng 3 với khối lượng trên 3,41 triệu tấn, tăng 57% so với tháng 2 và 32% so với tháng 3 năm trước. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 6 năm 2018, toàn bộ số này là than bitum. Hoạt động xuất khẩu than Úc sang thị trường

trọng điểm Trung Quốc đã gặp nhiều khó khăn trong những tháng đầu năm nay do động thái hạn chế nhập khẩu, dẫn đến các chuyến hàng than Úc phải chuyển hướng đến các thị trường khác, điều này có thể phần nào giải thích khối lượng than cung cấp cho Đài Loan tăng. Lượng than nhập khẩu từ Indonesia cũng tăng trở lại, trong đó lượng than sub-bitum tăng mạnh. Tổng lượng than Đài Loan nhập khẩu từ Indonesia trong tháng 3 đạt 1,62 triệu tấn, tăng 86% so với tháng 2 và 22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó than sub-bitum đạt 1,25 triệu tấn, cao hơn gấp đôi so với tháng 2 và tăng 34% so với tháng 3/2018, than bitum đạt 377.924 tấn, giảm 5% so với tháng 2 và 6% so với tháng 3/2018. Lượng than còn lại bao gồm than Nga và Canada. Khối lượng than Nga đạt 411.324 tấn, giảm 35% so với tháng 2 và 42% so với tháng 3/2018, khối lượng than Canada đạt 410.703 tấn, cao gấp năm lần so với tháng 2 và gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cước vận chuyển và giá trị đồng tiền giảm tác động đến giá than nhiệt Trung Quốc

Đồng Nhân dân tệ mất giá là yếu tố chính khiến thị trường vận chuyển than qua đường biển ở Châu Á suy giảm, đồng thời giá cước tàu giảm cũng hạ giá than giao tại các cảng Trung Quốc. Các công ty thương mại Trung Quốc đang kiên quyết yêu cầu các nhà cung cấp than nhiệt phải hạ giá chào do đồng NDT giảm giá đã ảnh hưởng đến lợi nhuận biên từ than nhập khẩu của họ. Giá giao lẻ than Úc 5.500 kcal/kg đã giảm khoảng 1 USD trong phiên giao dịch trên thị trường Châu Á ngày 15/5, trong khi giá thầu trong khoảng 59 - 60 USD/tấn, FOB Newcastle cho các chuyến hàng giao tháng 6 trên tàu Capesize thì giá chào ở khoảng 60 - 61 USD/tấn. Giá cước vận chuyển từ Newcastle đến Nam Trung Quốc đã giảm trong tuần từ ngày 13/5 đến ngày 17/5. Cụ thể giá thuê một tàu Capesize 110.000 dwt ở mức 10,50 USD/tấn, so với 11,65 USD/tấn một tuần trước. Một công ty thương mại đã mua được một chuyến hàng than 5.500 kcal/kg NAR điều kiện CFR Trung Quốc với giá 70 USD/tấn. Ngoài ra nhu cầu nhập khẩu than nhiệt ở thị trường Myanmar, Thái Lan và Việt Nam cũng đang hạ nhiệt.

Nhiều NMNĐ của Trung Quốc đã gần hoàn thành công tác tích trữ than hàng năm để chuẩn bị cho mùa hè trước mắt. Được biết trong năm nay giai đoạn dự trữ đã bắt đầu sớm hơn bốn đến năm tuần so với mọi năm (thông thường bắt đầu vào tháng 6). Loại than Nga 6.000 kcal/kg NAR đang được chào trên thị trường Trung Quốc ở mức 75 USD/tấn FOB trên tàu Handymax đến Supramax. Nhu cầu của thị trường Châu Âu rất thấp do đó đang có thêm nhiều chuyến hàng than Nga được xuất khẩu đến Châu Á. Giá than nội địa Trung Quốc tương đối ổn định trong tuần do không có biến động mạnh trên thị trường. Hiện tại đang là mùa thấp điểm, nhu cầu mua vào không cao và người bán cũng không sẵn sàng chào với giá thấp hơn.

Nhiều NMNĐ Hàn Quốc bảo trì kết hợp lượng than tồn kho cao ảnh hưởng đến hoạt động xếp dỡ

Thời gian bảo trì lâu hơn dự kiến tại một số NMNĐ than ở Hàn Quốc và lượng than tồn kho tương đối cao đã góp phần khiến các tàu chở than gặp khó khăn trong việc dỡ hàng tại cảng. Cụ thể các tàu chở theo than Úc, Colombia và Mỹ hiện đang chờ ngoài khơi bờ biển phía Tây của Hàn Quốc. Một số tàu này đã phải chờ trong khoảng thời gian khá dài để chờ đến lượt tại các cảng địa phương, theo phần mềm theo dõi tàu cFlow của S&P Global Platts. Một tàu trong số đó là Okra, một tàu Capesize 180.000 dwt chở than Colombia đã phải chờ để cung cấp than cho nhà máy điện Yeongheung từ ngày 21/4. Một tàu khác là Glovis Diamond, loại Panamax 82.000 dwt, ngày cuối thời hạn làm hàng của tàu này tại cảng Incheon là ngày 14/5, điểm xuất phát là Newcastle, Australia vào ngày 26/4.

Một số NMNĐ than của Hàn Quốc đang được bảo trì thường niên sau mùa đông sử dụng tối đa điện than. Đại diện một hãng tàu cho biết: “Chúng tôi được biết do hoạt động bảo trì trong mùa xuân và lượng than tồn kho cao đang gây ra tình trạng dôi nhọt tàu nghiêm trọng (khoảng 30-40 ngày)”. Một số NMNĐ ở Hàn Quốc có thể đã đặt thêm than và các chuyến hàng này đang trên đường đến giao hàng. Tuy nhiên do một số tàu đã được các công ty điện lực Hàn Quốc thuê trong các hợp đồng dài hạn, do đó họ có thể không phải chi trả phí dôi nhọt tàu.

(Nguồn: S&P Global Platts)